

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I, một số công tác trọng tâm quý II/2023

Thực hiện Nghị quyết số 43/2022/HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh, đặc biệt là năm cuối thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trình HĐND tỉnh ban hành 09 Nghị quyết<sup>(1)</sup> tại kỳ họp thứ 8 - kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh khóa X. Tình hình kinh tế - xã hội cơ bản ổn định, phát triển hơn so với tháng trước và quý I cùng kỳ: Tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, phát triển doanh nghiệp tăng khá, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo và thương mại dịch vụ chuyển biến tốt, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng mạnh; công tác nắm tình hình sản xuất tại các doanh nghiệp, tiến độ triển khai dự án của nhà đầu tư được quan tâm, sâu sát; nợ xấu tín dụng được kéo giảm; công tác tiêm phòng trên đàn vật nuôi được thực hiện tốt; du lịch phục hồi, phát triển khá; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; quan tâm và thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, thăm viếng người có công, người có uy tín; thực hiện Đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đạt nhiều kết quả quan trọng góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tổ chức giao nhận quân năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu được giao. Cụ thể kết quả trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

## I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

### 1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh

Trong tháng 03 năm 2023, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 78 cuộc họp, hội nghị, 18 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp, 25 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như: Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

<sup>1</sup> Gồm: (i) Nghị quyết về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Nghị quyết về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022 sang năm 2023; (iii) Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh”, sử dụng vay vốn ODA của Hàn Quốc; (iv) Nghị quyết về phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023 (đợt 2); (v) Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025; (vi) Nghị quyết về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; mức hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở thờ tự; (vii) Nghị quyết về việc áp dụng mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2022 – 2023; (viii) Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; (ix) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện và mức trợ cấp đặc thù đối với người làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh.

số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2023 về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án dân sự đối với các bản án, quyết định kinh doanh, thương mại giai đoạn 2023 - 2028; Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Quyết định số 4/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2023 ban hành “Kế hoạch hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu lần thứ 4”; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng phát triển quy hoạch kiến trúc nông thôn Việt Nam, tạo bản sắc và giữ gìn kiến trúc truyền thống...

## **2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 13 kế hoạch, 170 Quyết định cá biệt và 1.134 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 23 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh.

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THÁNG 3 VÀ QUÝ I

### 1. Tăng trưởng kinh tế (GRDP)

Theo ước tính của Cục Thống kê, nếu tính giá trị sản xuất điện, tăng trưởng kinh tế (GRDP) quý I 3,18% (cùng kỳ tăng trưởng âm 5,65%), trong đó:

- Khu vực I giảm 0,56%, do sản lượng thủy sản sụt giảm cả về nuôi trồng và khai thác; năng suất, sản lượng lúa, hoa màu thấp hơn cùng kỳ, giá cả hàng hóa nông sản thiếu ổn định.

- Khu vực II giảm 7,58% do công nghiệp sản xuất và phân phối điện sụt giảm mạnh do điều tiết của Trung ương, chỉ nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 duy trì vận hành, các Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, Duyên Hải 3 và Duyên Hải 3 mở rộng tạm dừng. Mặc dù công nghiệp chế biến, chế tạo phục hồi và tăng khá, lĩnh vực xây dựng cũng tăng cao so với cùng kỳ (tăng 10,45%) nhưng do chịu chi phối lớn của sản xuất điện nên cả khu vực II vẫn tăng trưởng âm.

- Khu vực III phục hồi và tăng trưởng khá dịch vụ tăng 18,29%, thuế sản phẩm tăng 2,20%.

Nếu không tính giá trị sản xuất điện, tăng trưởng GRDP ước đạt 8,77%<sup>(2)</sup>, trong đó khu vực I giảm 0,56%, khu vực II tăng 10,39% và khu vực III tăng tăng 18,29%, thuế sản phẩm tăng 10,64%.

### 2. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 14/3/2023 tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 toàn tỉnh đạt 99,62%, trong đó: (i) Người từ 18 tuổi trở lên mũi 01 đạt 100,64%, mũi 2 đạt 99,44%, mũi 3 đạt 91,23%, mũi 4 đạt 37,83%; (ii) tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: mũi 1 đạt 103,6%, mũi 2 đạt 100,6%, mũi 3 đạt 73,3%; (iii) tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Mũi 1 đạt 110,2%, mũi 2 đạt 95,50%.

Dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; trong tháng không phát hiện ca mắc mới Covid-19, tính từ đầu năm đến nay, có 04 ca mắc mới.

### 3. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách ước đạt 2.777,937 tỷ đồng, lũy kế quý I thu 4.569,784 tỷ đồng, đạt 35,46% dự toán, tăng 59,55% so với cùng kỳ<sup>(3)</sup> (thu nội địa 1.323,591 tỷ đồng, đạt 23,22% dự toán, thấp hơn cùng kỳ 2%); một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: (i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết tăng 74,40%, (ii) Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 67,93%, (iii) Các khoản thu về nhà, đất tăng 56,08%, (iv) Thu từ khu vực ngoài quốc doanh tăng 43,7%, (v) thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>2</sup> Mặc dù tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với trường hợp có tính giá trị sản xuất điện nhưng giá trị tuyệt đối GRDP thấp hơn 1.431 tỷ đồng.

<sup>3</sup> Nếu loại trừ thu chuyển nguồn 1.736,233 tỷ đồng, thì tổng thu quý I đạt 2.833,550 tỷ đồng, tăng 9,76% so với cùng kỳ.

tăng 22,85%, (vi) thu khác ngân sách tăng 15,37%... Chi ngân sách 653,509 tỷ đồng, lũy kế quý I chi 1.557,372 tỷ đồng, tăng 13,37% so với cùng kỳ, chủ yếu do tăng giải ngân vốn đầu tư công.

Các tổ chức tín dụng (TCTD) chấp hành tốt các quy định lãi suất của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, cam kết áp dụng lãi suất huy động bằng VNĐ tối đa không quá 9,5%/năm; một số NHTM giảm lãi suất huy động 0,3- 0,5%/năm ở các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên và giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp. Ước đến 31/3/2023, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 45.750 tỷ đồng, tăng 1,92% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 39.150 tỷ đồng, tăng 1,69% so với cuối năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 60%, nợ xấu chiếm 1,10% tổng dư nợ (cùng kỳ 1,26%). Các chương trình tín dụng, chính sách tín dụng được triển khai kịp thời<sup>(4)</sup>.

#### 4. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ

(1) *Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh:* Kế hoạch vốn năm 2023 đến nay chưa được Trung ương thông báo chính thức. Trong quý I/2023, có 02 chính sách được tiếp tục giải ngân từ nguồn chuyên tiếp và nguồn thu hồi các khoản vay trước với tổng số tiền được giải ngân là 820 triệu đồng. Từ khi triển khai chính sách đến 19/3/2023, tổng dư nợ cho vay đạt 168,315 tỷ đồng với 4.042 lượt khách hàng, cụ thể như sau:

(i) Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: đã giải ngân 140 tỷ đồng, đạt 100% vốn được phân bổ năm 2022 (3.400 khách hàng) (quý I/2023 không phát sinh cho vay, thu nợ).

(ii) Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: dư nợ 1,596 tỷ đồng với 152 khách hàng (quý I/2023 thu hồi 24 triệu đồng).

(iii) Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: dư nợ 4,897 tỷ đồng với 16 khách hàng (quý I/2023 thu hồi 568 triệu đồng, cho vay 620 triệu đồng cho 03 khách hàng).

(iv) Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: dư nợ 480 triệu đồng (06 khách hàng), đạt 100% vốn được phân bổ của năm 2022 (quý I/2023 không phát sinh cho vay, thu nợ).

(v) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: dư nợ 21,342 tỷ đồng với 468 khách hàng (quý I/2023 phát sinh dư nợ 200 triệu đồng cho 04 hộ vay; thu hồi 68 triệu đồng).

<sup>4</sup> Cho vay nông nghiệp, nông thôn: 21.210 tỷ đồng (chiếm 54% tổng dư nợ), cho vay xuất khẩu: 620 tỷ đồng; cho vay DNNVV: 5.000 tỷ đồng; tín dụng chính sách 3.752 tỷ đồng...

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: đến nay đã hỗ trợ 06 khách hàng<sup>(5)</sup> tiếp cận vốn vay với dư nợ hỗ trợ lãi suất 16,52 tỷ đồng.

(3) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 366 tỷ đồng, đến nay đang triển khai thi công 01 dự án<sup>(6)</sup>, đang thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 01 dự án<sup>(7)</sup>, đang tổ chức đấu thầu 02 dự án<sup>(8)</sup>.

## 5. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

### 5.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2023 (giá so sánh 2010) ước đạt 6.965,447 tỷ đồng, đạt 23,10% kế hoạch, giảm 1,11% so cùng kỳ, trong đó: (i) Nông nghiệp 5.372,362 tỷ đồng, đạt 29,59% kế hoạch, tăng 1,39%; (ii) Lâm nghiệp 56,995 tỷ đồng, đạt 21,14% kế hoạch, giảm 2,72% và (iii) Thủy sản 1.536,089 tỷ đồng, đạt 13,1% kế hoạch, giảm 8,90%.

#### a) Nông nghiệp

##### \* Sản xuất lúa:

Đầu năm đến nay xuống giống 63.251 ha, đạt 33,7% kế hoạch, giảm 1,83% so với cùng kỳ (thấp hơn 1.179 ha); sản lượng ước thực hiện quý I đạt 83.025 tấn, trong đó:

+ Vụ mùa: đến nay thu hoạch 1.142 ha (đạt 100% diện tích xuống giống), tổng sản lượng 5.048 tấn, năng suất đạt 4,42 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,36 tấn/ha).

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 62.109 ha, vượt 20,13% kế hoạch (tương đương vượt kế hoạch 10.409 ha, nhưng thấp hơn cùng kỳ 1.231 ha). Trong tháng, đã thu hoạch 11.965ha, lũy kế đầu năm đến nay thu hoạch 13.535 ha (đạt 21,8% diện tích xuống giống), tổng sản lượng ước đạt 77.977 tấn, năng suất bình quân đạt 5,76 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,29 tấn/ha).

\* Trong tháng, gieo trồng 5.258 ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, lũy kế đầu năm đến nay đã gieo trồng 19.510ha<sup>(9)</sup>, đạt 37,1% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 4,06%, tương đương 825 ha); thu hoạch 13.043 ha, sản lượng 298.401 tấn. Cải tạo trồng mới 137 ha dừa và cây ăn trái, ước tính đến nay toàn tỉnh có: 18.400 ha cây ăn trái, ước sản lượng thu hoạch 82.968 tấn (đạt 24,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.270 tấn); 21.952 ha dừa đang cho trái, sản lượng 95.808 tấn (đạt 25,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.263 tấn).

Phát hiện sâu đầu đen hại dừa trên diện tích 28,5 ha<sup>(10)</sup>, cơ quan chuyên môn đã tích cực theo dõi, quản lý, phun thuốc phòng trị, thả ong ký sinh để khống chế, không để lây lan diện rộng.

<sup>5</sup> Gồm 04 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ lưu trú, ăn uống.

<sup>6</sup> Dự án Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải

<sup>7</sup> Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

<sup>8</sup> Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 98 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Trà Vinh; Dự án Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè.

<sup>9</sup> Trong đó: Mầu lương thực 2.409 ha (đạt 40,35% kế hoạch); cây thực phẩm 11.473 ha (đạt 35,22% kế hoạch); cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 5.629 ha (đạt 40,09% kế hoạch).

<sup>10</sup> Gồm: Tiểu Cầm 26,39 ha, Càng Long 2,11 ha; trong đó diện tích nhiễm nặng 4,2 ha, trung bình 9,9 ha, nhẹ 14,4 ha

\* *Chăn nuôi*: Công tác tiêm phòng<sup>(11)</sup>, kiểm dịch<sup>(12)</sup> động vật và sản phẩm từ động vật được tăng cường, thực hiện hiện thường xuyên, tuy nhiên dịch tả heo Châu Phi chưa được xử lý dứt điểm. Trong tháng, có 110 con heo nghi, mắc bệnh, nâng tổng số đầu năm đến nay dịch có 234 con heo mắc bệnh với tổng trọng lượng 9,917 tấn<sup>(13)</sup>; đến ngày 15/3/2023 còn 02 xã<sup>(14)</sup> có ổ dịch chưa qua 21 ngày.

\* *Thủy lợi nội đồng, phòng chống thiên tai*: Chỉ đạo thực hiện thường xuyên công tác quan trắc nguồn nước, vận hành hiệu quả các công đầu mỗi đảm bảo nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất. Các huyện triển khai thực hiện 55 công trình thủy lợi nội đồng, nâng tổng số triển khai thực hiện 68 công trình, đạt 16,5% kế hoạch. Trong quý, tổ chức 19 đợt kiểm tra, phát hiện 06 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê<sup>(15)</sup>. Đầu năm đến nay triều cường dâng cao gây sạt lở đê bao, vỡ bờ bao với tổng chiều dài 2.166m, tràn cục bộ 1.348m gây thiệt hại 184,22 ha hoa màu và cây ăn trái<sup>(16)</sup>, 2,57ha rừng và ảnh hưởng 11 căn nhà, ước giá trị thiệt hại khoảng 2,895 tỷ đồng. Các ngành chức năng và địa phương đã kịp thời hỗ trợ, khắc phục hậu quả, giúp người dân ổn định đời sống, sản xuất.

\* *Xây dựng nông thôn mới*:

- *Huyện nông thôn mới*: hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến của Đoàn công tác Trung ương khảo sát, đánh giá và trình công nhận huyện Cầu Ngang, Duyên Hải đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Rà soát, đánh giá các tiêu chí nông thôn mới huyện Trà Cú, theo kết quả tự đánh giá, đến ngày 15/3/2023 huyện đạt 4/9 tiêu chí<sup>(17)</sup>.

- *Xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao*: Có 100% xã đạt 19/19 tiêu chí (82 xã có Quyết định công nhận)<sup>(18)</sup>; 33 xã (chiếm 38,82% tổng số xã) đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (27 xã có Quyết định công nhận).

\* *Chương trình OCOP*: Tổng kết hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng phát triển sản phẩm OCOP, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phát triển thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Bến Tre; công bố quyết định và trao giấy chứng nhận 104 sản phẩm đạt OCOP năm 2022, đạt hạng 03 sao trở lên cho các chủ thể<sup>(19)</sup>.

b) *Lâm nghiệp*:

<sup>11</sup> Trong quý, đã tiêm phòng vaccine cúm gia cầm 314 ngàn con (tăng 112 ngàn con so cùng kỳ), LMLM 15,7 ngàn con bò (tăng 9,1 ngàn con so cùng kỳ), viêm da nổi cục 300 con (giảm 100 con so cùng kỳ), heo tai xanh 170 liều (tăng 90 liều so cùng kỳ), Đại chố 4.995 liều (tăng 3,4 ngàn liều so cùng kỳ), các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 145,93 ngàn con (tăng 86,5 ngàn liều so cùng kỳ) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 547,12 ngàn con (giảm 23,8 ngàn liều so cùng kỳ).

<sup>12</sup> Trong quý, đã kiểm dịch 39.658 con heo (tăng 35.311 con so cùng kỳ); 4.926 con bò (tăng 1.925 con so cùng kỳ), 495,5 ngàn con gia cầm (tăng 112,9 ngàn con so cùng kỳ); 108,2 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 309,9 triệu con tôm giống

<sup>13</sup> Xảy ra tại 07 hộ của 07 ấp, 06 xã, 04 huyện (Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành và Cầu Kè)

<sup>14</sup> Gồm xã Thạnh Phú (huyện Cầu Kè) và xã Lương Hòa (huyện Châu Thành).

<sup>15</sup> Vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, tường vữa, chướng bô, cơ quan chuyên môn kết hợp với địa phương lập biên bản xử lý theo quy định.

<sup>16</sup> Gồm: 110,5 ha vườn cây ăn trái, 26 ha mía, 14,91 ha hoa màu, 10 ha lúa và 22,81 ha tôm.

<sup>17</sup> Còn 05 tiêu chí chưa đạt, gồm: (i) tiêu chí 5 về y tế - văn hóa - giáo dục; (ii) tiêu chí 6 về sản xuất; (iii) tiêu chí 7 về môi trường; (iv) tiêu chí 8 về chất lượng môi trường sống; (v) tiêu chí 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công.

<sup>18</sup> Còn lại 03 xã Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang huyện Trà Cú đang hoàn chỉnh lại hồ trình công nhận.

<sup>19</sup> Trong đó có: 26 sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao, 78 sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao của 74 chủ thể gồm hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác. Tính đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 285 sản phẩm được công nhận OCOP đạt hạng 3 sao trở lên.

Tổ chức 63 lượt tuần tra bảo vệ rừng, nâng tổng số đầu năm đến nay tổ chức 212 lượt, phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm<sup>(20)</sup>. Trong quý, có 6,041ha rừng bị sạt lở do triều cường<sup>(21)</sup>. Bàn giao ngoài thực địa cho đơn vị thi công xây dựng công trình công và cải tạo hệ thống kênh dẫn nước nuôi dưỡng rừng Đước thuộc ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

### c) Thủy sản:

Diện tích thả nuôi thủy sản trong tháng 8.231 ha, lũy kế đến nay thả nuôi trên diện tích 24.979ha<sup>(22)</sup>. Tổng sản lượng thủy hải sản trong quý I ước đạt 33.888 tấn, đạt 13,86% kế hoạch (*thấp hơn cùng kỳ 4.312 tấn*), trong đó: Nuôi trồng đạt 21.714 tấn<sup>(23)</sup> (*thấp hơn cùng kỳ 4287 tấn*), khai thác 12.174 tấn<sup>(24)</sup> (*thấp hơn cùng kỳ 25 tấn*). Thời điểm đầu vụ, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng đến sức đề kháng làm phát sinh bệnh trên tôm nuôi, ước thiệt hại đến nay khoảng 13 triệu con tôm sú trên diện tích 112 ha (*tỷ lệ thiệt hại 2%*) và 116 triệu con tôm thẻ chân trắng (*tỷ lệ thiệt hại 6,8%*), tôm chết chủ yếu ở giai đoạn từ 25 - 55 ngày tuổi, đa số là bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu; so với cùng kỳ, số lượng con giống tôm thẻ chân trắng bị thiệt hại khá cao.

Phối hợp với Trung tâm Hợp tác quốc tế nuôi trồng và Khai thác thủy sản bền vững (ICAFIS) thuộc Hội Thủy sản Việt Nam tổ chức lễ trao chứng nhận ASC (*xác nhận cấp quốc tế đối với thủy sản*) cho nghề nuôi nghêu<sup>(25)</sup> tỉnh Trà Vinh. Cảng cá Láng Chim và Định An hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu bốc dỡ, neo đậu tàu thuyền.

## 5.2. Sản xuất công nghiệp

Phần lớn các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản ổn định; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 19,01% so với tháng trước, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 2.582,06 tỷ đồng, tăng 14% so với tháng trước; lũy kế quý I, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 19,9%, giá trị sản xuất công nghiệp 6.845,94 tỷ đồng, đạt 20,22% kế hoạch, giảm 5,95% so với cùng kỳ<sup>(26)</sup>, trong đó: (i) Công nghiệp khai khoáng tăng 54,86%; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,19%; (iii) Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước giảm 16,85%; (iv) Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,12%. So với quý I/2022, có 08 sản phẩm tăng<sup>(27)</sup> và 05 sản phẩm giảm sản lượng<sup>(28)</sup>. Giá trị sản xuất công nghiệp quý I giảm chủ yếu do chịu sự chi phối của công nghiệp sản xuất và phân phối điện, đầu

<sup>20</sup> 01 trường hợp gây thiệt hại 126m<sup>2</sup> rừng sản xuất, chủng loại Đước tại Nhà Mát xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải; 01 trường hợp phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m<sup>2</sup> chủng loại Mắm, Đước, rừng trồng năm 1999, thuộc loại rừng sản xuất tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh, ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 5 triệu đồng, buộc trồng lại diện tích rừng bị thiệt hại và 05 trường hợp kinh doanh buôn bán trong rừng, buộc đi đời ra khỏi rừng

<sup>21</sup> Công ty Mùa vàng 5,826 ha (xã Hiệp Thạnh 5,73ha, xã Trường Long Hòa 0,096ha) và rừng hộ dân nhận giao khoán 0,25ha tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

<sup>22</sup> Chủ yếu là nuôi mặn, lợ, trong đó: tôm sú 11.254ha, cua 10.829ha, tôm thẻ chân trắng 2.114ha

<sup>23</sup> Nuôi nước ngọt 11.620 tấn; nuôi mặn, lợ 10.094tấn.

<sup>24</sup> Khai thác biển 10.716 tấn, khai thác nội đồng 1.458tấn.

<sup>25</sup> Đến nay, nghề nuôi nghêu Trà Vinh đã đạt được chứng nhận tiêu chuẩn ASC với tổng diện tích 433ha của 3 HTX: Thành Công 200ha, Tiến Thành 193ha, Long Thành 40ha.

<sup>26</sup> Nếu không tính giá trị sản xuất điện thì giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.983,113 tỷ đồng, đạt 21,12% kế hoạch, tăng 6,99% so với cùng kỳ.

<sup>27</sup> Gồm: Thuốc viên các loại, Túi xách các loại, Thảm dệt các loại, Than hoạt tính, Quần áo các loại, Nước sinh hoạt, Thủy sản đông lạnh, Điện thương phẩm.

<sup>28</sup> Gạo xay xát, Giày thành phẩm, Đường kết, Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô, Sản xuất điện.

năm đến nay chỉ có 02 tổ máy của nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 duy trì vận hành phát điện, còn lại các tổ máy của nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, 3 và 3 mở rộng vẫn tiếp tục tạm dừng dự phòng theo điều tiết của Trung ương, tổng sản lượng điện sản xuất đến nay chỉ đạt 17,66% kế hoạch (*tương đương 2,228 tỷ kWh*).

\* *Phát triển điện*: Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai 04 dự án điện gió còn lại; kiến nghị Bộ Công Thương tiếp tục hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư (*nhà máy điện gió Hiệp Thạnh*) liên quan đến 15/18 tua bin điện gió chưa được vận hành thương mại; đầu năm đến nay phát triển mới 15,86km đường dây trung thế, 3,84km đường dây hạ thế, 150 trạm biến áp, 231 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,52%. Tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch giờ trái đất năm 2023.

### 5.3. Thương mại - dịch vụ

Tổ chức Lễ phát động các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2023. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Giá cả một số loại hàng hóa thiết yếu cơ bản ổn định, các hoạt động bán lẻ và dịch vụ phát triển tốt. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng ước đạt 4.680,298 tỷ đồng, lũy kế quý I đạt 14.184,145 tỷ đồng, đạt 27,04% kế hoạch, tăng 56,52% so với cùng kỳ.

### 5.4. Xúc tiến đầu tư<sup>(29)</sup>, xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp<sup>(30)</sup>, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tổ chức: Họp mặt doanh nghiệp đầu năm 2023<sup>(31)</sup>; thăm hỏi, chúc tết trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2023, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và khó khăn của doanh nghiệp; thăm, xúc tiến mời gọi đầu tư tại Nhật Bản<sup>(32)</sup>. Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023; ban hành Chương trình Xúc tiến đầu tư tỉnh Trà Vinh năm 2023<sup>(33)</sup>; in ấn Quyền Trà Vinh – Điểm đến đầu tư (*song ngữ Việt – Anh*) phục vụ công tác xúc tiến đầu tư.

Trong quý, cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư cho 01 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký đầu tư 110 tỷ đồng<sup>(34)</sup>; điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án<sup>(35)</sup>; chấm dứt hoạt động 08 dự án đầu tư

<sup>29</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 372 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,07 tỷ USD và 335 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 138 070 tỷ đồng. Trong 372 dự án, có: đang hoạt động sản xuất kinh doanh 281 dự án; đang triển khai 40 dự án; đang thực hiện thủ tục pháp lý 22 dự án; đang thực hiện chấm dứt 01 dự án.

- 17 dự án ngừng hoạt động, trong đó có 01 dự án nước ngoài tổng vốn đăng ký là 0,67 triệu USD và 16 dự án trong nước tổng vốn đăng ký là 1544,25 tỷ đồng.

<sup>30</sup> Đến nay có 3.742 doanh nghiệp, vốn 60.870 tỷ đồng, 84.104 lao động (hiện có 3 051 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 53.454 tỷ đồng, 72.824 lao động) trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

<sup>31</sup> Có sự tham dự của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, VCCI Cần Thơ, các Sở, ngành, địa phương và hơn 250 doanh nghiệp, HTX, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

<sup>32</sup> Theo lời mời của Tổ hợp Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (TTVN Group) và các Tập đoàn: Kumagai Gumi, INPEX và Điện lực Kansai của Nhật Bản. Đồng thời, đoàn tham dự hội nghị cấp Bộ trưởng châu Á chủ đề giảm phát thải về zero (AZEC) do Bộ Kinh tế - Thương mại - Công nghiệp (METI) của Nhật Bản đăng cai tổ chức, với sự tham dự của 16 quốc gia; đoàn Việt Nam do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm trưởng đoàn.

<sup>33</sup> Tại Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 16/02/2023, với 8 nội dung chính, gồm: (i) Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; (ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến; (iii) Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư; (iv) Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; (v) Tuyên truyền quảng bá, giới thiệu môi trường chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư; (vi) Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư; (vii) Hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; (viii) Hợp tác về xúc tiến đầu tư. Ban hành kèm theo danh mục 44 dự án kêu gọi đầu tư (trong đó 9 dự án công nghiệp, 1 dự án nông nghiệp, 25 dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng xã hội, đô thị và môi trường, 9 dự án thương mại, du lịch và dịch vụ).

<sup>34</sup> Dự án Nhà máy thực phẩm An Phước của Công ty TNHH Thực phẩm An Phước.

<sup>35</sup> Trong khu công nghiệp, khu kinh tế 02 dự án, ngoài khu công nghiệp khu kinh tế 06 dự án.



trong nước<sup>(36)</sup>. Kiểm tra, khảo sát nắm tình hình và đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư<sup>(37)</sup>.

Phê duyệt 11 Đề án Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; phê duyệt Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Trà Vinh lần thứ VI năm 2023. Các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối thị trường, hỗ trợ, tập huấn cho doanh nghiệp, HTX được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng: Tổ chức 02 Phiên chợ hàng Việt về nông thôn trong khuôn khổ “Tết Quân – Dân” năm 2023 tại huyện Châu Thành và thành phố Trà Vinh<sup>(38)</sup>; tham gia Hội nghị Kết nối giao thương giữa các hệ thống Phân phối thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Bến Tre<sup>(39)</sup>; hỗ trợ 09 doanh nghiệp cập nhật, giới thiệu 18 loại sản phẩm lên Sàn Thương mại điện tử; tập huấn hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020 và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư<sup>(40)</sup>; tập huấn về Hiệp định EVFTA và các tiêu chuẩn xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc<sup>(41)</sup>; tập huấn kỹ năng kinh doanh trên nền tảng số phát triển thương hiệu, xây dựng hình ảnh kinh tế tập thể cho Hợp tác xã, doanh nghiệp...

Thành lập mới 58 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 07 doanh nghiệp, giải thể 06 doanh nghiệp; lũy kế quý I năm 2023 thành lập mới 128 doanh nghiệp<sup>(42)</sup>, tạm ngừng hoạt động 82 doanh nghiệp, giải thể 19 doanh nghiệp; so với cùng kỳ: số doanh nghiệp thành lập mới tăng 15, tạm ngừng tăng 21, hoạt động trở lại tăng 36 doanh nghiệp, giải thể giảm 11 doanh nghiệp; đăng ký giao dịch qua mạng đạt 87,64% tổng số hồ sơ.

Tổ chức Hội thảo chuyên đề và Hội nghị tổng kết năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 khu vực phía Nam<sup>(43)</sup>; tổ chức Tổng kết tình hình hoạt động phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2023<sup>(44)</sup>. Đầu năm đến nay phát triển 01 HTX, nâng tổng số toàn tỉnh có 172 HTX<sup>(45)</sup> và 01 Liên hiệp HTX đang hoạt động.

### 5.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch, xây dựng đề án

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 4.695,336 tỷ đồng, đến ngày 20/3/2023, giải ngân 551,015 tỷ đồng, đạt 11,7% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân đạt 16,4% kế hoạch).

<sup>36</sup> Ngoài KCN, KKT: Dự án “Đầu tư khai thác phát triển và quản lý chợ” của Công ty TNHH TM và DV Hoàng Lâm – Thiên; Dự án “Đầu tư mở rộng máy móc, thiết bị nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản”, Dự án “Đầu tư máy móc, thiết bị xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản” của Công ty TNHH Sản xuất thương mại NM; Dự án “Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Phước Hưng” của Công ty TNHH MTV Xuất nhập; khẩu sản xuất Thương mại Dầu khí Petrol Life (nay là Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu sản xuất thương mại dầu khí Petrol Life); Dự án “Xây dựng trụ sở làm việc chính và nhà phụ trợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cầu Kè” của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh; Chấm dứt hoạt động đầu tư Dự án “Xây dựng bể bơi” của Hộ kinh doanh Huỳnh Thanh Bình; dự án “Kế hoạch đầu tư Nhà máy sản xuất chế phẩm sinh học” của Công ty TNHH Sản xuất thương mại NM; Dự án Trường mầm non tư thục Minh Huyền của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ do đặc bản đồ Đại An.

<sup>37</sup> Kiểm tra, khảo sát thực tế 16 dự án.

<sup>38</sup> Mỗi Phiên chợ thu hút 24 doanh nghiệp, với 60 gian hàng được trưng bày, doanh thu mỗi phiên đạt khoảng 850 triệu đồng và có hơn 5.000 lượt khách tham quan, mua sắm.

<sup>39</sup> Có 12 cơ sở, doanh nghiệp tham gia trưng bày hơn 30 sản phẩm.

<sup>40</sup> Với sự tham gia của 75 đại biểu là đại diện các sở, ban, ngành và các địa phương.

<sup>41</sup> Có 58 đại biểu đại diện các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh tham dự.

<sup>42</sup> Đạt 24,61% kế hoạch, trong đó: huyện Trà Cú đạt 34,28%, Tiểu Cần đạt 32,5%, các địa phương còn lại đạt từ 16-28% chỉ tiêu giao; các doanh nghiệp thành lập mới chủ yếu hoạt động trong các ngành nghề bán buôn, bán lẻ, xây dựng, công nghiệp chế biến, chế tạo, tư vấn thiết kế; gần 72% doanh nghiệp thành lập mới là Cty TNHH 1 thành viên, còn lại là Cty TNHH 02 thành viên, Cty cổ phần và Doanh nghiệp tư nhân.

<sup>43</sup> Giữa Liên minh HTX Trà Vinh và Trường trung cấp nghề và đào tạo cán bộ HTX miền Nam

<sup>44</sup> Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể tỉnh thực hiện.

<sup>45</sup> Trong đó có 125 HTX nông nghiệp, 31 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng với vốn điều lệ 165,867 tỷ đồng, thu hút 28.835 thành viên

Trong đó: (i) Vốn giao đầu năm giải ngân 551,517 tỷ đồng/kế hoạch 4.574,233 tỷ đồng, đạt 12,1% kế hoạch; (ii) Vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 chưa giải ngân.

Rà soát cơ sở dữ liệu, hệ thống bản đồ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế Định An đến năm 2040; tập trung hoàn chỉnh Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng) đến năm 2040 và tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các quy hoạch chung đô thị Tiểu Cần, Càng Long, Tân An, thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Cầu Kè... Phê duyệt và công bố Chương trình phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 và Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch chung đô thị Châu Thành đến năm 2040; Hội thảo Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

## 6. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

### 6.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức Hội nghị chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh<sup>(46)</sup>; hoàn thành kiểm tra và sơ kết học kỳ I năm học 2022-2023, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2023<sup>(47)</sup>, cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh năm học 2022-2023 THPT<sup>(48)</sup>; công nhận 04 trường đạt chuẩn quốc gia<sup>(49)</sup>; lập thủ tục xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú lần thứ 16 năm 2023<sup>(50)</sup>; tham gia Chương trình viết sách Ngữ văn Khmer tại thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng<sup>(51)</sup>. Công nhận các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022; công nhận 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1<sup>(52)</sup>, 03 trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2<sup>(53)</sup>, 07 trường đạt chuẩn<sup>(54)</sup>.

### 6.2. Khoa học và công nghệ

Nghiệm thu 01 đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở<sup>(55)</sup>, cấp 01 giấy phép sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế<sup>(56)</sup>; lũy kế quý I năm 2023 nghiệm thu 02 đề tài<sup>(57)</sup>, cấp 04 giấy phép sử dụng thiết bị X - quang trong y tế<sup>(58)</sup>, hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền cho 01 cơ sở<sup>(59)</sup>; triển khai thực hiện 05 đề tài phát triển tài sản trí tuệ<sup>(60)</sup>; chấm điểm 78 sáng kiến. Khảo sát, kiểm tra định kỳ cân đối chứng trên

<sup>46</sup> Lãnh đạo UBND tỉnh và một số sở, ngành tỉnh, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số và trên 500 đại biểu là cán bộ quản lý giáo dục từ tỉnh đến cơ sở tham dự.

<sup>47</sup> Có 06 học sinh đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2023 gồm: 01 giải nhì môn Toán, 02 giải ba môn Hóa học và môn Ngữ văn và 03 giải khuyến khích môn Sinh và môn Tiếng Anh.

<sup>48</sup> Có 176 dự án tham gia dự thi, trong đó THCS 78 dự án, THPT 98 dự án.

<sup>49</sup> Gồm: THPT Long Hiệp, THPT Tập Sơn, THPT Hàm Giang, THCS thị trấn Châu Thành.

<sup>50</sup> Tiếp nhận 47 hồ sơ nhà giáo gồm 02 hồ sơ NGND và 45 hồ sơ NGUT của 10 Hội đồng cấp huyện và tương đương đề nghị; Hội đồng cấp tỉnh xét trình danh hiệu Nhà giáo ưu tú cho 39 nhà giáo.

<sup>51</sup> Từ ngày 09/02/2023 đến hết ngày 15/02/2023 với 02 thành viên

<sup>52</sup> Gồm trường: Tiểu học Long Hòa, huyện Châu Thành, Mẫu giáo Thiên Thanh, huyện Càng Long; Tiểu học Đông Hải A, huyện Duyên Hải; MN xã Châu Điền huyện Cầu Kè.

<sup>53</sup> Gồm các trường: Tiểu học Long Hòa huyện Châu Thành; Mẫu giáo Thiên Thanh huyện Càng Long; Mầm non xã Châu Điền, huyện Cầu Kè.

<sup>54</sup> Gồm: THCS Ninh Thới huyện Cầu Kè, THCS B An Trường huyện Càng Long, THCS Hưng Mỹ huyện Châu Thành, phổ thông DTNT THCS&THPT huyện Trà Cú và THCS thị trấn Châu Thành, THPT Vũ Đình Liệt huyện Châu Thành, THPT Tiểu Cần.

<sup>55</sup> Đề tài "Nghiên cứu quy trình chế biến và bảo quản sản phẩm kem dừa sáp đóng hộp tại tỉnh Trà Vinh".

<sup>56</sup> Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang

<sup>57</sup> Đề tài "Nghiên cứu quy trình chế biến và bảo quản sản phẩm kem dừa sáp đóng hộp tại tỉnh Trà Vinh" và đề tài đề tài "Xây dựng mô hình sản xuất lươn giống (Monopterus albus) bằng phương pháp bán nhân tạo tại tỉnh Trà Vinh".

<sup>58</sup> Bao gồm cấp mới và cấp gia hạn; cấp 01 chứng chỉ nhân viên bức xạ; phê duyệt 03 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.

<sup>59</sup> Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Phong

<sup>60</sup> Đăng ký bảo hộ, quản lý và quảng bá nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm: thanh long, cua biển, bươi da xanh, lùa hữu cơ, tôm hữu cơ.

địa bàn tỉnh đợt 1/2023, tổ chức kiểm tra về đo lường chất lượng tại 24 cơ sở kinh doanh<sup>(61)</sup>.

## **7. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác**

### **7.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm**

Tạo việc làm mới cho 1.137 lao động, đưa 106 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; lũy kế quý I năm 2023, tạo việc làm cho 3.747 lao động, đạt 16,2% kế hoạch, đưa 286 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 31,7% kế hoạch; tổ chức 07 cuộc hội thảo tư vấn việc làm, tư vấn cho 9.669 lao động. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 404 trường hợp, lũy kế quý I năm 2023 trợ cấp cho 1.670 trường hợp với số tiền chi trả trên 25 tỷ đồng. Triển khai các hoạt động về đào tạo nghề năm 2023; tư vấn, tuyển sinh các cấp trình độ đào tạo nghề cho 1.562 người<sup>(62)</sup>, đạt 8,22%. Cấp phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp 3T Trà Vinh. Rà soát nhu cầu học nghề số lao động bị mất việc làm trở về địa phương để tổ chức đào tạo nghề phù hợp và gắn với giải quyết việc làm.

### **7.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công**

Thăm, tặng quà Tết Nguyên đán 2023 cho người có công với tổng kinh phí 20,019 tỷ đồng<sup>(63)</sup>. Giải quyết chế độ chính sách cho 120 trường hợp người có công với cách mạng, lũy kế quý I giải quyết cho 263 trường hợp<sup>(64)</sup>, duyệt 194 hồ sơ tăng, giảm các loại. Giám định bệnh tật 17 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở, đã xây dựng hoàn thành 1.821/1.943 căn<sup>(65)</sup>, đạt 93,7%, giải ngân đạt 92,6%.

### **7.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo**

Giải quyết trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 38.956 đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ mai táng phí cho 258 đối tượng với số tiền 45,811 tỷ đồng; cấp thẻ BHYT cho 27.530 đối tượng bảo trợ xã hội. Tổ chức Đoàn đi thăm và tặng quà của Chủ tịch nước và Chủ tịch UBND tỉnh cho 48 cụ 100 tuổi và 707 cụ 90 tuổi với tổng số tiền 1,066 tỷ đồng. Kịp thời hỗ trợ hơn 1.563.120 kg gạo cho 15.654 người hộ nghèo, 39.814 người hộ cận nghèo, 38.273 đối tượng bảo trợ xã hội, 10.467 người lao động và người dân gặp khó khăn dịp Tết Nguyên đán 2023; hỗ trợ đột xuất cho gia đình có 02 người chết do đuối nước và 3 hộ có nhà bị đổ, sập, trôi cháy với tổng kinh phí 136 triệu đồng. Các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật thông qua các chương trình địa chỉ nhân đạo, giúp đỡ cho trên 84.000 lượt đối tượng, với tổng số tiền 8,706 tỷ đồng<sup>(66)</sup>.

<sup>61</sup> Đầu năm đến nay kiểm tra 41 cơ sở sản xuất, kinh doanh gồm các lĩnh vực như: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, vàng, trang sức mỹ nghệ, mũ bảo hiểm, vật liệu xây dựng, xăng dầu, kết quả không phát hiện vi phạm.

<sup>62</sup> Trong đó: trình độ cao đẳng 43 hồ sơ; trình độ trung cấp 163 hồ sơ; trình độ cơ cấp 108 người; đào tạo dưới 03 tháng 1.248 lao động.

<sup>63</sup> Trong đó, kinh phí Trung ương hỗ trợ trên 6.607 triệu đồng, còn lại là kinh phí địa phương.

<sup>64</sup> Chế độ thờ cúng liệt sỹ 101 trường hợp, chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 01 trường hợp, chế độ mai táng phí 90 trường hợp, chế độ BHYT theo Quyết định 290, 62 và 49 của Thủ tướng Chính phủ cho 71 trường hợp.

<sup>65</sup> Số căn chưa triển khai xây dựng là 122 căn (xây mới 80; sửa chữa 42)

<sup>66</sup> Hỗ trợ Trung tâm Bảo trợ xã hội 600 triệu đồng, Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/dioxin các cấp 8.106 triệu đồng.

Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022<sup>(67)</sup>. Tổ chức Lễ bàn giao 905 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ người cao tuổi thuộc hộ cận nghèo. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh cho 505 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

#### 7.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Chỉ đạo xây dựng các quy định, cơ chế quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Thăm, tặng 100 phần quà cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đạo sự, kinh phí sửa chữa cho các tổ chức tôn giáo với số tiền 320 triệu đồng. Thăm hỏi, chúc mừng chức sắc, chức việc tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Tổng kết kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới năm 2022; tổ chức họp mặt kỷ niệm 113 năm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và 1983 năm cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng gắn với sơ kết mô hình sinh kế “Người có giúp người khó” năm 2022 và phát động phong trào thi đua năm 2023.

#### 7.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tổng lượt khám bệnh, chữa bệnh trong tháng 127.266 lượt<sup>(68)</sup>, phát hiện và xử lý 22 ổ dịch<sup>(69)</sup> và 41 ca sốt xuất huyết<sup>(70)</sup>, 12 ca bệnh tay chân miệng<sup>(71)</sup>, phát hiện mới 13 người nhiễm HIV<sup>(72)</sup>. Đến nay, tổng số người tham gia BHYT là 803.765 người<sup>(73)</sup>. Thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế 24 tàu với 404 thuyền viên<sup>(74)</sup>, tiếp nhận 06 hồ sơ thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm<sup>(75)</sup>.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng năm 2023; kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới trong ngành Y tế tỉnh Trà Vinh. Tổ chức tập huấn tăng cường kiến thức, năng lực cho cán bộ y tế cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

<sup>(67)</sup> Kết quả toàn tỉnh còn 5.404 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,88% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh (giảm 1,68% so với năm 2021), trong đó: hộ nghèo dân tộc Khmer còn 3.239 hộ, chiếm tỷ lệ 3,61% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer (giảm 3,58% so với năm 2021); hộ cận nghèo còn 10.905 hộ, chiếm tỷ lệ 3,80% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, trong đó: hộ cận nghèo dân tộc Khmer còn 5.267 hộ, chiếm tỷ lệ 5,87% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer. Hộ có mức sống trung bình có 122.034 hộ, chiếm 42,56% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh (tăng 5.583 hộ so với năm 2021); hộ có thu nhập khá có 131.897 hộ, chiếm 46% (tăng 5.813 hộ) và hộ có thu nhập giàu có 11.710 hộ, chiếm 4,08% (tăng 610 hộ).

<sup>(68)</sup> Lũy kế quý I khám, chữa bệnh 374.332 lượt, đạt 29,2%

<sup>(69)</sup> Lũy kế đến nay phát hiện 51 ổ dịch, số ổ dịch tăng 10,2 lần so với cùng kỳ năm 2022 (05 ổ).

<sup>(70)</sup> Lũy kế đến nay phát hiện 109 ca, số ca mắc tăng 87 ca so với cùng kỳ năm 2022 (22 ca), không có tử vong.

<sup>(71)</sup> Lũy kế đến ngày 28/02/2023: phát hiện 22 ca, số ca mắc tăng 17 ca so với cùng kỳ năm 2022 (05 ca), không có tử vong.

<sup>(72)</sup> Đến ngày 04/3/2023, số người nhiễm HIV được phát hiện là 2.743 (trong tỉnh 2.718 người). Số người chuyển sang bệnh AIDS là 1.702 người. Số người tử vong vì HIV/AIDS là 1.076 người.

<sup>(73)</sup> Tính đến ngày 08/3/2023, chiếm tỷ lệ 78,84% dân số, đạt 83,16% kế hoạch.

<sup>(74)</sup> trong quý I kiểm tra 44 tàu với 701 thuyền viên.

<sup>(75)</sup> Lũy kế quý I 22 hồ sơ.

## 7.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức Chương trình nghệ thuật đón Giao thừa, trưng bày, triển lãm mừng xuân 2023, kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Công nhận Chùa Lò Gạch là di tích cấp tỉnh<sup>(76)</sup>; thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang là thị trấn đô thị văn minh<sup>(77)</sup>. Tổ chức 10 giải thể thao mừng Đảng, mừng Xuân<sup>(78)</sup>; Giải chạy bộ Vietcombank Run “*Vạn trái tim - Một niềm tin*”; các đội tuyển tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 đạt 17 huy chương các loại.

Công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư du lịch được triển khai đa dạng dưới nhiều hình thức<sup>(79)</sup>; du lịch phát triển khá, tổng doanh thu du lịch trong quý đạt 411,5 tỷ đồng (*tăng 7,4 lần so với cùng kỳ*), lượt khách tham quan 353.405 lượt (*tăng 1,9 lần*), lượt khách lưu trú 138.147 lượt (*tăng 4,8 lần*), công suất phòng bình quân 71,9% (*tăng 47,3%*). Hỗ trợ 04 hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh<sup>(80)</sup>.

## 8. Tài nguyên và môi trường

Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (*sửa đổi*). Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 08 huyện, thị xã. Định giá đất cụ thể 04 công trình. Cấp mới 103 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nâng tổng số đã cấp 626.444 giấy, đạt 99,38% diện tích cần cấp giấy. Các lĩnh vực tài nguyên nước, địa chất, khoáng sản được quản lý chặt chẽ<sup>(81)</sup>. Thực hiện tốt công tác kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn<sup>(82)</sup>. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh.

## 9. Thông tin và truyền thông

Công tác tuyên truyền các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được thực hiện tốt, đảm bảo phục vụ tốt cho việc lãnh, chỉ đạo và nhu cầu thông tin của nhân dân trên địa bàn<sup>(83)</sup>. Mạng lưới bu chính, viễn thông hoạt

<sup>76</sup> Lũy kế đến nay toàn tỉnh hiện có 53 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia và 37 di tích cấp tỉnh).

<sup>77</sup> Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 19/21 phường, thị trấn đô thị văn minh.

<sup>78</sup> Cụ thể: Quần vợt, Bóng chuyền hơi nam và nữ, Billiards, Cờ tướng, Aerobic, Khiêu vũ thể thao, Thể dục thể hình, Bơi lội, Bóng bàn; kết quả Ban Tổ chức trao 378 Huy chương các loại (126 HCV, 126 HCB, 126 HCD).

<sup>79</sup> Khai trương Cửa hàng trưng bày và bán sản phẩm đặc sản, hàng lưu niệm, quà tặng du lịch, sản phẩm OCOP của tỉnh; thực hiện ký sự “*Xuân về trên đất Côn Chim*” phát sóng trong chương trình Ký sự cù lao - Trà Vinh miền sông nước cuối nguồn Mekong; tham gia các dự kiện quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh,...

<sup>80</sup> Cụ thể: Bánh xèo Sáu Giàu, Tư Pha Homestay, Tiệm cơm Năm Lương tại Điểm du lịch cộng đồng Côn Chim (xã Hòa Minh, huyện Châu Thành), Thanh Trà Quán (xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè).

<sup>81</sup> Cấp phép tài nguyên nước 05 hồ sơ; hướng dẫn các đơn vị khai thác, sử dụng tài nguyên nước lắp đặt thiết bị giám sát theo quy định tại Thông tư số 17/TT-BTNMT. Thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cát sông) tại xã Đức Mỹ, huyện Cầu Long, tỉnh Trà Vinh; Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cát ven biển) tại xã Trường Long Hòa và Dân Thành, thị xã Duyên Hải.

<sup>82</sup> Theo dõi tình hình thu gom và lưu chứa vật lạ dạt vào biển xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong việc vận hành lò đốt rác thải sinh hoạt của Công ty TNHH Kim Hoàng Phát và Bãi rác Long Hiệp, huyện Trà Cú; giám sát việc xác định khối lượng, đánh giá chất lượng, chỉ đường và giá mua mủ của Công ty Cổ phần Mủ đường Trà Vinh; khảo sát hiện trạng việc khắc phục kênh, mương ô nhiễm tại Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh trên địa bàn xã Hưng Mỹ.

<sup>83</sup> Ban hành 37 văn bản chỉ đạo, điều hành, trong đó: 12 văn bản lĩnh vực bu chính, viễn thông; 18 văn bản lĩnh vực chuyển đổi số; 07 văn bản lĩnh vực an toàn thông tin; Ban hành 36 Công văn chỉ đạo định hướng các cơ quan báo, đài tăng cường tuyên truyền: Các hoạt động kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu Sáu điều dạy Công an nhân dân và 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị; tuyên truyền về thành tựu đảm bảo quyền con người trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và định hướng tiếp tục thông tin tuyên truyền tháng 12/2022; ham mưu triển khai tiêu chí Nông thôn mới: Rà soát, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao xã Long Khánh và Hiếu Trung

động ổn định; thường xuyên kiểm tra, khắc phục các lỗ hổng bảo mật<sup>(84)</sup>. Thu hồi 44 chứng thư số, cấp mới 202 chứng thư số, đến nay tổng số 2.755 chứng thư số đang hoạt động phục vụ ký số văn bản, hồ sơ giao dịch... Cấp 38 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, 01 giấy phép hợp báo, 01 giấy phép hoạt động in và 01 giấy phép xuất bản bản tin...

## 10. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022; ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023. Tổ chức công tác chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2022. Tuyên truyền phục vụ điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Trà Vinh năm 2022. Triển khai kênh truyền thông “Bộ Nội vụ” gắn với chuyên đề “Bản tin điện tử cải cách hành chính” trên mạng Zalo. Công bố hết hiệu lực toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Hoàn thành việc rà soát, sắp xếp đối với 15/18 cơ quan chuyên môn.

Thanh tra hành chính 24 cuộc tại 31 đơn vị, phát hiện 06 đơn vị sai phạm số tiền 31,079 tỷ đồng<sup>(85)</sup>; kiểm điểm trách nhiệm 12 cá nhân và chuyển cơ quan điều tra 01 vụ việc với 01 đối tượng<sup>(86)</sup>. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 62 cuộc tại 02 tổ chức và 653 cá nhân, phát hiện 23 cá nhân và 01 tổ chức vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 221,5 triệu đồng. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: tiếp 1.092 lượt người đến khiếu nại, tố cáo với 1.087 vụ việc; nhận 563 đơn; giải quyết 184/283 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 65%<sup>(87)</sup>. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng tiếp tục được triển khai<sup>(88)</sup>; trong kỳ, không có phát sinh án tham ô, tham nhũng; hiện đang xử lý 03 vụ việc của kỳ trước mang sang<sup>(89)</sup>.

## 11. Về quốc phòng, an ninh

Chỉ thị công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2023; duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam; 33 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tổng kết Đợt ra quân thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán Quý Mão 2023<sup>(90)</sup>. Tổ chức giao, nhận 1.177 thanh

<sup>84</sup> Thực Công văn số 2035/CATTNCSC về việc lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao và nghiêm trọng trong các sản phẩm Microsoft công bố; tăng cường đảm bảo ATTT mạng trong thời gian Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; Phát hiện có 44 cảnh báo từ hệ thống giám sát ATTT mạng (SOC), trong đó có 35 cảnh báo lỗ hổng bảo mật, 09 cảnh báo mã độc; rà soát hệ thống bảo mật theo Công văn số 1730/CATT-NCSC ngày 09/12/2021 về việc lỗ hổng bảo mật CVE-2021-41024 trong FortiOS và FortiProxy; rà soát lỗ hổng bảo mật theo Công văn số 1734/CATT-NCSC ngày 10/12/2021 của Cục ATTT về việc lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng nghiêm trọng trong Apache Log4j.

<sup>85</sup> Thu hồi số tiền 21,673 tỷ đồng, xử lý khác 9,407 tỷ đồng.

<sup>86</sup> Đoàn thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước trong quá trình hoạt động của Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Huyện Hội. Kết quả, kiến nghị chuyển cơ quan điều tra đối với các sai phạm trong quản lý, sử dụng tài chính và máy móc thiết bị với số tiền 50.811 triệu đồng.

<sup>87</sup> Giải quyết đơn khiếu nại đạt 90,9%, đơn yêu cầu đạt 45,5%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 75,9%, đơn tranh chấp đạt 75,3%.

<sup>88</sup> Trong kỳ, đã kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch tại 12 cơ quan, đơn vị; triển khai 04 cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn tại 09 cơ quan, đơn vị; xác minh tài sản thu nhập của 14 cá nhân thuộc các sở, ban, ngành tỉnh.

<sup>89</sup> Đang điều tra 01 vụ án tham ô tài sản tại Công an huyện Tiểu Cần; đang truy tố 01 vụ việc tại phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố Trà Vinh và xét xử phúc thẩm 01 vụ án tham nhũng xảy tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thành phố Trà Vinh.

<sup>90</sup> Diễn ra từ 15/11/2022 đến 05/02/2023, thống kê sơ bộ trong đợt cao điểm, địa bàn tỉnh: xảy ra 45 vụ tội phạm về trật tự xã hội (giảm 29 vụ so với liên kế trước cao điểm); triệt xóa 217 vụ đánh bạc trái phép (cao hơn 64 vụ so với liên kế trước cao điểm), phát hiện 04 vụ phạm tội về kinh tế (nhiều hơn 03 vụ so với

niên<sup>(91)</sup> (đạt 100% chỉ tiêu) lên đường nhập ngũ thi hành nghĩa vụ Quân sự và Công an nhân dân năm 2023 đảm bảo an toàn, trang trọng.

Xảy ra 20 vụ phạm tội về trật tự xã hội, 06 vụ tội phạm về ma túy, 04 vụ tai nạn giao thông. Từ đầu năm đến nay: phát hiện 02 vụ phạm tội về kinh tế (nhiều hơn cùng kỳ 02 vụ); 01 vụ tội phạm công nghệ cao; phát hiện khởi tố 01 vụ, 01 bị can phạm tội về tham nhũng (không tăng giảm so với cùng kỳ); Về trật tự xã hội: Xảy ra 59 vụ (tăng 25 vụ so với cùng kỳ); Tội phạm về ma túy: Phát hiện 34 vụ (nhiều hơn cùng kỳ 9 vụ); Tai nạn giao thông: Xảy ra 09 vụ tai nạn, làm chết 08 người, 03 người bị thương (so với cùng kỳ tăng 03 vụ, 02 người chết, 01 người bị thương); xảy ra 03 vụ chết người do đuối nước.

### III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

Giá cả vật tư nông nghiệp, nhất là phân bón duy trì ở mức cao, giá cả hàng hóa nông sản thiếu ổn định; công tác phòng, chống dịch tả heo Châu Phi tuy có tập trung, quyết liệt nhưng chưa không chế triệt để, sâu đầu đen hại dừa tiếp tục xuất hiện với mức độ gây hại khá cao, một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác phòng bệnh và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, người dân chậm khai báo khi có dịch bệnh xảy ra; công tác tiêm phòng, thủy lợi nội đồng còn chậm; năng suất lúa, sản lượng thủy sản thấp hơn cùng kỳ; giải ngân vốn đầu tư công còn chậm và thấp hơn cùng kỳ; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tiếp tục sụt giảm (đến nay chỉ huy động 02 tổ máy của Nhà máy Duyên Hải 1), làm ảnh hưởng nhiều đến giá trị sản xuất công nghiệp. Dịch sốt xuất huyết diễn biến phức tạp, số ổ dịch, số ca mắc bệnh tăng cao.

### IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM QUÝ II/2023

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023, trong quý II năm 2023, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung thực hiện nhanh, hiệu quả năm cuối Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Chủ động rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nửa nhiệm kỳ Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XI; chuẩn bị các nội dung phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm 2023. Khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch chung đô thị...

2. Theo dõi sát tình hình sản xuất nông nghiệp, nhất là tình hình dịch tả heo Châu Phi, sâu đầu đen hại dừa, tăng cường vận động, tuyên truyền tiêm phòng đàn vật nuôi, chú ý phòng các bệnh nguy hiểm thời điểm giao mùa; thực hiện khẩn trương các biện pháp phòng, chống xâm nhập mặn, triều cường; đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng, rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, chủ

liên kế trước cao điểm); phát hiện 91 vụ vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên khoáng sản và an toàn thực phẩm (nhiều hơn 13 vụ so với liên kế trước cao điểm); bắt giữ 31 vụ tội phạm về ma túy (nhiều hơn 09 vụ so với liên kế trước cao điểm); xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông đường bộ (giảm 03 vụ so với liên kế trước cao điểm); cháy nổ không xảy ra (giảm 01 vụ cháy so với liên kế trước cao điểm).

<sup>91</sup> Trong đó, 901 thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự và 276 thanh niên thi hành nghĩa vụ Công an Nhân dân; 15 thanh niên là đảng viên, 319 thanh niên là dân tộc Khmer, 2 dân tộc Hoa, 58 thanh niên có trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp nghề...

động tích trữ nước ngọt nội đồng phục vụ sản xuất, không để người dân thiếu nước sinh hoạt trong mùa khô. Quan tâm hướng dẫn nông dân chăm sóc tôm nuôi theo quy trình kỹ thuật; tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 64 năm ngày truyền thống Nghề cá Việt Nam (01/4/1959 - 01/4/2023); tuyên truyền, vận động chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái theo Đề án 208 của Chính phủ.

Hoàn thành công tác vệ sinh phòng cháy rừng, giao khoán bảo vệ rừng và cập nhật diễn biến rừng năm 2023; đẩy nhanh tiến độ thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng các tiêu chí của xã, huyện nông thôn mới. Tổ chức Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Cầu Ngang, Duyên Hải đạt chuẩn Nông thôn mới. Tập trung hỗ trợ huyện Trà Cú hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện Cầu Kè hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao.

3. Tập trung thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2023, chú trọng các dự án đầu tư vào Khu Kinh tế Định An; thường xuyên kiểm tra, nắm chắc tiến độ, kịp thời đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai nhanh dự án đã cấp chủ trương/quyết định chủ trương đầu tư. Khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Trà Vinh năm 2022. Tăng cường hỗ trợ kết nối cung cầu hàng hóa trong và ngoài tỉnh, hỗ trợ các cơ sở sản xuất giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, phát triển thương mại điện tử; triển khai hưởng ứng Tuần lễ Thương hiệu quốc gia chào mừng ngày thương hiệu Việt Nam 20 tháng 4 năm 2023, tiếp tục cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2023. Tập trung thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 – 2025; đẩy mạnh công tác quản lý, vận hành, khai thác Cổng thông tin tư vấn doanh nghiệp.

Rà soát tình hình hoạt động và tổ chức Hội nghị đối thoại tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận chính sách hỗ trợ phát triển HTX giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các HTX trên địa bàn tỉnh.

4. Hoàn tất chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang năm 2023; tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, vốn chương trình phục hồi kinh tế - xã hội, vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 năm học 2023-2024 theo quy định. Tổ chức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh: thi học sinh giỏi lớp 9, lớp 11; thi công nhận trình độ cấp Tiểu học, THCS môn Tiếng Khmer; thi nghề phổ thông đối với học sinh lớp 11, thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023 - 2024. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; triển khai phương án điều tra công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ năm 2023.

6. Tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Cập nhật thông tin thị trường lao động năm 2023 tại các huyện, thị xã, thành phố. Triển khai Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động năm 2023. Tuyển sinh, phân luồng định hướng giáo dục nghề nghiệp; nâng



cao hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Thăm viếng, tặng quà cho thương binh, liệt sĩ và thân nhân nhân ngày 30/4. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; hoàn thành hỗ trợ nhà ở từ nguồn Quỹ An sinh xã hội của tỉnh cho 505 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

7. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với thanh niên năm 2023. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới; tập trung thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030.

8. Đẩy mạnh giám sát dịch tễ, tuyên truyền phòng, chống bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, đặc biệt là vào đầu mùa mưa. Hoàn tất việc di dời các khoa, phòng và trang thiết bị từ Bệnh viện Đa khoa tỉnh (cũ) về Bệnh viện Đa khoa tỉnh (700 giường), đảm bảo hoạt động ổn định tại cơ sở mới. Tiếp tục xây dựng phương án sử dụng Bệnh viện Đa khoa tỉnh (cũ) cho Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh sử dụng làm nơi khám, chữa bệnh với quy mô 100 giường; xây dựng Đề án thành lập Bệnh viện phục hồi chức năng với quy mô 300 giường.

9. Tổ chức thăm, tặng quà nhân dịp tết cổ truyền Chôl - Chnăm - Thmây năm 2023. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi. Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về dân tộc năm 2023 và Hội nghị biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; kịp thời giải quyết các vụ việc, tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, các vụ việc phát sinh mới trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm quy định của pháp luật.

10. Chuẩn bị và tổ chức Liên hoan Nghệ thuật Sân khấu Dù Kê Khmer Nam Bộ lần thứ hai —2023. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân, nhất là trong dịp Giỗ Tổ Hùng Vương, kỷ niệm 48 năm ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước 30/4 và Quốc tế lao động 01/5. Tổ chức các giải thể thao nhân Tháng hoạt động thể dục, thể thao chào mừng kỷ niệm 77 năm ngày Thể thao Việt Nam 27/3 và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân. Đăng cai tổ chức giải Vô địch Bóng chuyền trẻ quốc gia. Đẩy mạnh công tác quảng bá và xúc tiến du lịch; tăng cường quản lý các cơ sở lưu trú du lịch, nhất là tình hình lưu trú của khách ngoài tỉnh và nước ngoài.

11. Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai; quản lý chặt chẽ các khu đất công, đấu giá quyền sử dụng đất. Tăng cường quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU và Kế hoạch 04/KH-UBND tỉnh. Kiểm tra việc chấp hành công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2023.

12. Tăng cường công tác quản lý tần số và thiết bị vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, góp phần nâng cao nhận thức, sự đồng thuận của xã hội; phát huy vai trò của Báo, Đài trong việc định hướng thông tin, dư luận xã hội.

Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng và triển khai Kế hoạch Giám sát chất lượng dịch vụ bưu chính không thuộc dịch vụ bưu chính công ích năm 2023.

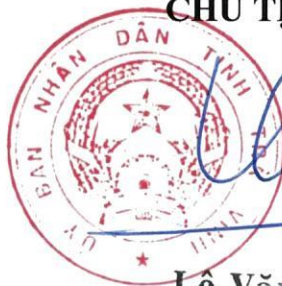
**13.** Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023. Hoàn thiện Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố”. Tiếp tục việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ; kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tổ chức các Đoàn thanh tra theo kế hoạch. Giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định.

**14.** Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; chủ động chuẩn bị diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Trà Vinh năm 2023, triển khai công tác bảo đảm an ninh trật tự dịp tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây trong đồng bào dân tộc Khmer, Lễ 30/4, 01/5 năm 2023; tăng cường thực hiện các giải pháp về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu, tăng cường tuần tra, kiểm soát nắm chắc tình hình, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. *04*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** *rand*  
**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Lê Văn Hảo**



**Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2023**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	U' TH tháng 03	U' TH Quý I	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>1</b>	<b>Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)</b>							
	+ Có nhiệt điện	Tỷ đồng	20,701.446	97,976.906		21,396.875	21.84	103.36
	- Nông, lâm, thủy sản	"	7,043.409	30,149.619		6,965.447	23.10	98.89
	- Công nghiệp, xây dựng	"	8,721.738	42,663.260		8,434.358	19.77	96.71
	- Dịch vụ	"	4,936.299	25,164.026		5,997.070	23.83	121.49
	+ Không nhiệt điện	"	17,145.047	82,972.950		18,534.048	22.34	108.10
	- Nông, lâm, thủy sản	"	7,043.409	30,149.619		6,965.447	23.10	98.89
	- Công nghiệp, xây dựng	"	5,165.339	27,659.305		5,571.531	20.14	107.86
	- Dịch vụ	"	4,936.299	25,164.026		5,997.070	23.83	121.49
<b>2</b>	<b>Giá trị GRDP (giá so sánh 2010)</b>							
	+ Có nhiệt điện	Tỷ đồng	9,104.044	42,353.986		9,393.265	22.18	103.18
	- Nông, lâm, thủy sản	"	3,082.434	12,607.132		3,065.293	24.31	99.44
	- Công nghiệp, xây dựng	"	2,754.155	13,003.446		2,545.295	19.57	92.42
	- Dịch vụ	"	3,267.455	16,743.408		3,782.678	22.59	115.77
	+ Không nhiệt điện	"	7,319.944	35,345.390		7,961.689	22.53	108.77
	- Nông, lâm, thủy sản	"	3,082.434	12,607.132		3,065.293	24.31	99.44
	- Công nghiệp, xây dựng	"	1,098.295	5,994.850		1,212.363	20.22	110.39
	- Dịch vụ	"	3,139.215	16,743.408		3,684.034	22.00	117.36
<b>3</b>	<b>Tổng thu ngân sách</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2,864.226</b>	<b>12,886.418</b>	<b>2,777.937</b>	<b>4,569.784</b>	<b>35.46</b>	<b>159.55</b>
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,351.007</i>	<i>5,701.000</i>	<i>420.931</i>	<i>1,323.591</i>	<i>23.22</i>	<i>97.97</i>
<b>4</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1,489.940</b>	<b>11,645.540</b>	<b>653.509</b>	<b>1,557.372</b>	<b>13.37</b>	<b>104.53</b>
<b>5</b>	<b>Số dự án đầu tư đăng ký mới<sup>(1)</sup></b>	<b>Dự án</b>	<b>4</b>		<b>0</b>	<b>1</b>		<b>25.00</b>
	- Số dự án trong nước	Dự án	4		0	1		25.00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	13,617.08		0.00	110.00		0.81
	- Số dự án FDI	Dự án		5	0			
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD		70	0.00			
<b>6</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp<sup>(2)</sup></b>							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	113	<b>520</b>	58	128	24.62	113.27
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		49		39	78		159.18
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	1,626.0		1,287.00	1,547.0		95.14
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	282		58	136		48.23
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	2,892		1,774	2,576		89.07
	- Giải thể	DN	61		6	19		31.15

(1) Đến nay có 372 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, tổng vốn đăng ký 3.066,43 triệu USD và 335 dự án đầu tư trong nước, tổng vốn đăng ký 138.069,64 tỷ đồng (Trong tháng thu hồi 08 dự án trong nước với tổng vốn 84,85 tỷ đồng)

(2) Đến nay có 3.742 doanh nghiệp, vốn 60.870 tỷ đồng, 84.104 lao động (hiện có 3.051 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 53.454 tỷ đồng, 72.824 lao động) trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2023

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	<b>GTSX NÔNG, LÂM, THỦY HẢI SẢN (Giá so sánh 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>7,043.41</b>	<b>30,150</b>		<b>6,965.45</b>	<b>23.10</b>	<b>98.89</b>
	GTSX nông nghiệp	"	5,299	18,158		5,372	29.59	101.39
	GTSX Lâm nghiệp	"	58.59	270		57.00	21.11	97.28
	GTSX thủy, hải sản	"	1,686	11,722		1,536	13.10	91.10
<b>A</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>							
	<b>Diện tích gieo trồng hàng năm</b>	<b>Ha</b>	<b>84,765</b>	<b>240,285</b>	<b>5,258</b>	<b>82,761</b>	<b>34.44</b>	<b>97.64</b>
	<b>* Cây lương thực có hạt</b>							
	- Diện tích gieo trồng	ha	66,178	191,400	422	65,005	33.96	98.23
	- Diện tích thu hoạch	ha	65,357	191,400	12,681	15,551	8.12	23.79
	- Sản lượng	Tấn	422,025	1,085,685	73,594	87,900	8.10	20.83
<b>1</b>	<b>Lúa cả năm</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	64,430	187,700	0	63,251	33.70	98.17
	- Diện tích thu hoạch	Ha	64,401	187,700	11,965	14,677	7.82	22.79
	- Năng suất	Tấn/ha	6.47	5.67	5.83	5.66	99.68	87.43
	- Sản lượng	Tấn	416,688	1,065,150	69,734	83,025	7.79	19.92
<b>a</b>	<b>Lúa mùa</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	1,090			1,142		104.79
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,090			1,142		104.79
	- Năng suất	Tấn/ha	4.78			4.42		92.53
	- Sản lượng	Tấn	5,206			5,048		96.97
<b>b</b>	<b>Vụ Đông Xuân</b>							
	- Diện tích xuống giống	Ha	63,340	51,700		62,109	120.13	98.06
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63,311	51,700	11,965	13,535	26.18	21.38
	- Năng suất	Tấn/ha	6.50	6.70	5.83	5.76	85.99	88.64
	- Sản lượng	Tấn	411,482	346,390	69,734	77,977	22.51	18.95
<b>2</b>	<b>Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	20,335	52,585	5,258	19,510	37.10	95.94
	- Diện tích thu hoạch	Ha	13,582	52,585	9,840	13,043	24.80	96.03
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.41	26.61	23.52	22.88	85.99	102.09
	- Sản lượng	Tấn	304,369	1,399,152	231,412	298,401	21.33	98.04
<b>a</b>	<b>Màu lương thực</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,554	5,970	659	2,409	40.35	94.32
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,193	5,970	907	1,070	17.92	89.63
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	7.90	10.12	7.80	7.70	76.11	97.47
	- Sản lượng	Tấn	9,430	60,417	7,075	8,238	13.64	87.36
	Trong đó:							
	+ <i>Bắp</i> :							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,748	3,700	422	1,755	47.42	100.37
	- Diện tích thu hoạch	Ha	956	3,700	716	874	23.61	91.34
	- Năng suất	Tấn/ha	5.58	5.55	5.39	5.58	100.54	100.00
	- Sản lượng	Tấn	5,337	20,535	3,860	4,875	23.74	91.34
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	470	1,300	142	350	26.92	74.40
	- Diện tích thu hoạch	Ha	158	1,300	124	130	9.97	81.86
	- Năng suất	Tấn/ha	18.04	16.89	17.41	17.86	105.76	99.00
	- Sản lượng	Tấn	2,857	21,957	2,166	2,315	10.54	81.04
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	185	570	76	195	34.23	105.57

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	25	570	28	28	5.00	113.15
	- Năng suất	Tấn/ha	15.71	19.21	15.89	15.89	82.72	101.15
	- Sản lượng	Tấn	395	10,950	453	453	4.13	114.45
	+ Cây có củ khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	151	400	20	109	27.28	72.42
	- Diện tích thu hoạch	Ha	53	400	38	38	9.46	70.85
	- Năng suất	Tấn/ha	15.74	17.44	15.74	15.74	90.27	100.00
	- Sản lượng	Tấn	841	6,975	596	596	8.54	70.85
<b>b</b>	<b>Màu thực phẩm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	11,429	32,575	1,970	11,473	35.22	100.39
	- Diện tích thu hoạch	Ha	9,565	32,575	6,594	9,379	28.79	98.06
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.69	22.31	22.63	22.62	101.38	99.68
	- Sản lượng	Tấn	217,030	726,781	149,259	212,148	29.19	97.75
	Trong đó:							
	+ Rau màu các loại							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	11,326	32,100	1,941	11,365	35.40	100.34
	- Diện tích thu hoạch	Ha	9,542	32,100	6,577	9,352	29.13	98.00
	- Năng suất	Tấn/ha	22.74	22.61	22.69	22.68	100.31	99.74
	- Sản lượng	Tấn	216,991	725,781	149,226	212,097	29.22	97.74
	+ Đậu các loại							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	102	475	29	108	22.79	106.02
	- Diện tích thu hoạch	Ha	22	475	18	27	5.78	122.47
	- Năng suất	Tấn/ha	1.74	2.11	1.87	1.87	88.83	107.47
	- Sản lượng	Tấn	39	1,000	33	51	5.14	131.62
<b>c</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	6,353	14,040	2,630	5,629	40.09	88.60
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,824	14,040	2,339	2,594	18.48	91.87
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	27.59	43.59	32.10	30.07	69.00	109.00
	- Sản lượng	Tấn	77,910	611,954	75,079	78,014	12.75	100.13
	Trong đó:							
	+ Mía cây							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	339	1,300	478	515	39.64	151.96
	- Diện tích thu hoạch	Ha	97	1,300	73	102	7.87	105.16
	- Năng suất	Tấn/ha	95.71	97.82	132.49	94.73	96.84	98.98
	- Sản lượng	Tấn	9,313	127,166	9,693	9,693	7.62	104.08
	+ Đậu phộng							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,353	4,420	828	2,505	56.67	74.72
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,329	4,420	900	1,086	24.57	81.72
	- Năng suất	Tấn/ha	5.39	5.24	5.41	5.41	103.28	100.41
	- Sản lượng	Tấn	7,161	23,161	4,871	5,877	25.37	82.06
	+ Cây lác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	760	2,570	357	756	29.43	99.49
	- Diện tích thu hoạch	Ha	565	2,570	590	590	22.97	104.39
	- Năng suất	Tấn/ha	10.97	11.82	11.33	11.33	95.86	103.28
	- Sản lượng	Tấn	6,203	30,377	6,687	6,687	22.01	107.81
	+ Cây khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,901	5,750	967	1,852	32.21	97.44
	- Diện tích thu hoạch	Ha	832	5,750	775	816	14.19	98.00
	- Năng suất	Tấn/ha	66.35	75.00	69.42	68.35	91.13	103.01
	- Sản lượng	Tấn	55,233	431,250	53,828	55,758	12.93	100.95
<b>d</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
	- Cây dừa	Tấn	94,545	371,349		97,575	26.28	103.20

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ư' TH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Cây ăn trái	Tấn	81,698	341,434		83,988	24.60	102.80
3	<b>Chăn nuôi</b>							
	- Đàn heo	Con	269,749	245,000		286,970	117.13	106.38
	- Đàn bò, trâu	Con	229,780	280,000		254,974	91.06	110.96
	- Đàn gia cầm	ngàn con	6,728	7,800		7,146	91.62	106.21
B	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		50			-	
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		116			-	
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		3,490			-	
C	<b>THỦY - HẢI SẢN:</b>							
1	<b>Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>38,200</b>	<b>244,550</b>	<b>18,105</b>	<b>33,888</b>	<b>13.86</b>	<b>88.71</b>
	Trong đó : - Tôm các loại	"	10,424	97,050	6,609	10,447	10.76	100.22
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	12,199	64,350	5,840	12,174	18.92	99.80
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	10,712	57,500	5,219	10,716	18.64	100.04
	Trong đó: - Tôm các loại	"	1,378	5,500	649	1,293	23.51	93.80
	- Cá các loại	"	6,084	29,500	2,865	6,119	20.74	100.58
	- Hải sản khác	"	3,250	22,500	1,705	3,304	14.68	101.66
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	1,487	6,850	621	1,458	21.29	98.08
	Trong đó: - Tôm các loại	"	208	550	99	237	43.09	113.70
	- Cá các loại	"	529	1,800	291	554	30.78	104.65
	- Thủy sản khác	"	749	4,500	231	667	14.83	89.08
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	26,001	180,200	12,265	21,714	12.05	83.51
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	9,362	98,000	6,976	10,094	10.30	107.82
	- Tôm sú	"	1,500	13,300	794	1,220	9.17	81.37
	- Tôm thẻ chân trắng	"	6,864	75,500	4,796	7,269	9.63	105.91
	- Cua biển	"	591	6,200	584	696	11.22	117.63
	- Thủy sản khác	"	408	3,000	802	909	30.29	222.93
	+ Vùng nước ngọt	"	16,639	82,200	5,289	11,620	14.14	69.84
	- Tôm càng xanh	"	474	2,200	271	428	19.43	90.19
	- Cá lóc	"	9,356	55,500	4,029	7,429	13.39	79.41
	- Cá tra, cá ba sa	"	3,815	7,000	443	1,082	15.46	28.36
	- Cá các loại	"	2,994	17,500	546	2,681	15.32	89.57
2	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>24,362</b>	<b>52,100</b>	<b>8,231</b>	<b>24,979</b>	<b>47.95</b>	<b>102.53</b>
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	23,859	48,600	7,864	24,349	50.10	102.05
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	11,022	19,500	3,366	11,254	57.71	102.10
	- Tôm thẻ chân trắng	"	2,313	8,300	1,070	2,114	25.47	91.38
	- Nuôi cua biển	"	10,446	20,000	3,277	10,829	54.15	103.67
	- Thủy sản khác	"	77	800	150	152	19.02	196.69
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	504	3,500	368	631	18.02	125.16
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	9,199		3,301	9,030		98.16
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	410		153	242		59.02
	- Diện tích thả nuôi	Ha	11,022		3,366	11,254		102.10
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	198		77	112		56.67
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	620		195	555		89.47
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	16		8	13		79.75
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	2.58		4.10	2.30		89.14
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 3	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/3	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5,852		2,622	5,455		93.22
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	433		338	509		117.55
	- Diện tích thả nuôi	Ha	2,313		1,070	2,114		91.38
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	132		104	160		121.04
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,819		733	1,697		93.29
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	73		93	116		158.04
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	4.03		12.75	6.83		169.41



**Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	U' TH tháng 3	U' TH Quý I	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>7,279.155</b>	<b>33,864.000</b>	<b>2,582.055</b>	<b>6,845.940</b>	<b>20.22</b>	<b>94.05</b>
	<i>(Có tính nhiệt điện)</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	2.555	14.000	1.419	3.957	28.26	154.86
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	3,367.217	17,100.000	1,298.020	3,575.672	20.91	106.19
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	3,830.730	16,413.000	1,256.382	3,185.204	19.41	83.15
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	78.653	337.000	26.234	81.107	24.07	103.12
	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,722.756</b>	<b>18,860.000</b>	<b>1,325.673</b>	<b>3,983.113</b>	<b>21.12</b>	<b>106.99</b>
	<i>(Không tính nhiệt điện)</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	2.555	14.000	1.419	3.957	28.26	154.86
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	3,367.217	17,100.000	1,298.020	3,575.672	20.91	106.19
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	274.331	1,409.000		322.377	22.88	117.51
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	78.653	337.000	26.234	81.107	24.07	103.12
	<b>Sản phẩm chủ yếu:</b>							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	1,656	9,338	628	1,680	17.99	101.45
2	Đường kết	Tấn	8,192	7,000		6,886	98.38	84.06
3	Than hoạt tính	Tấn	1,438	6,000	495	1,541	25.68	107.14
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	217	1,832	167	423	23.09	194.64
5	May mặc(quần áo các loại)	1000chiếc	922	7,384	354	960	13.00	104.18
6	Thảm dệt các loại	1000m2	381	2,200	160	468	21.27	122.86
7	Nước sinh hoạt	1000m3	8,731	35,680	3,072	9,059	25.39	103.76
8	Gạo xay xát	Tấn	78,610	723,298	12,230	33,068	4.57	42.07
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	2,990	12,466	985	2,942	23.60	98.41
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	546	12,000	237	674	5.62	123.43
11	Giày thành phẩm	1000 đôi	1,400	7,500	315	802	10.69	57.28
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	282	1,150	98	287	24.91	101.43
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	3,144	12,617	933	2,228	17.66	70.88
	- Sản lượng nhiệt điện	Tr. Kwh	2,779	11,229	833	1,909	17.00	68.67
	- Sản lượng điện gió, điện mặt trời	Tr. Kwh	365	1,388	100	320	23.05	87.74
<b>B</b>	<b>TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH</b>	<b>%</b>	<b>99.28</b>	<b>99.60</b>		<b>99.52</b>	<b>99.92</b>	<b>100.24</b>
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	475	1,000	103	231	23.10	48.63
<b>C</b>	<b>TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>9,061.99</b>	<b>52,465.00</b>	<b>4,680.30</b>	<b>14,184.14</b>	<b>27.04</b>	<b>156.52</b>
	- Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	6,285.88	35,931.00	3,133.05	9,660.84	26.89	153.69
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	1,424.81	9,533.00	834.30	2,514.75	26.38	176.50
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	0.59	21.00	4.31	11.59	55.19	1,971.18
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	1,350.72	6,980.00	708.63	1,996.96	28.61	147.84